

| Câu | Ý | Nội dung kiến thức | Điểm |
|--|---|---|----------------------|
| I (4.0 đ) | 1 | Trình bày chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời | <u>0.75 đ</u> |
| | 1.5 đ | - Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo hướng từ Tây sang Đông, trên một quỹ đạo có hình elip gần tròn. | 0.25 |
| | | - Thời gian Trái Đất chuyển động một vòng trên quỹ đạo là 365 ngày 6 giờ. | 0.25 |
| | | - Trong khi chuyển động trên quỹ đạo, trục Trái Đất luôn nghiêng với mặt phẳng quỹ đạo một góc là $66^{\circ}33'$ và không đổi phương. | 0.25 |
| | | * Hệ quả của chuyển động đó: | <u>0.75 đ</u> |
| | | - Chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt Trời. | 0.25 |
| - Sinh ra hiện tượng mùa trên Trái Đất và sự đối lập mùa ở hai bán cầu Bắc | 0.25 | | |
| - Nam. | | | |
| - Hiện tượng ngày - đêm dài ngắn khác nhau theo mùa và theo vĩ độ. | 0.25 | | |
| 2 | 2.5 đ | Nhận xét về số giờ chiếu sáng trong ngày ở một số vĩ tuyến: | <u>1.5 đ</u> |
| | | - Số giờ chiếu sáng trong ngày khác nhau ở các vĩ tuyến và luôn thay đổi theo thời gian trong năm. | 0.25 |
| | | - Vào ngày 21/3 và 23/9, số giờ chiếu sáng ở các vĩ tuyến đều bằng nhau (bằng 12h) | 0.25 |
| | | - Ngày 22/6, số giờ chiếu sáng lớn nhất (24h) tại VCB và giảm dần về VCN (0h); BBC lớn hơn NBC ở các địa điểm cùng vĩ độ (dc) | 0.25 |
| | | - Ngày 22/12 ngược lại, số giờ chiếu sáng nhỏ nhất (0h) tại VCB và tăng dần về VCN (24h); NBC lớn hơn BBC ở các địa điểm cùng vĩ độ (dc). | 0.25 |
| | | - Tại xích đạo, số giờ chiếu sáng ở tất cả các ngày trong năm đều bằng nhau. | 0.25 |
| | - Càng xa Xích đạo về cực, chênh lệch số giờ chiếu sáng ở các vĩ tuyến trong ngày 22/6 và 22/12 càng lớn (dc) | 0.25 | |
| Giải thích: | <u>1.0 đ</u> | | |

| | | | |
|--------------------------|---|--|---------------------|
| | | - Do TĐ chuyển động quanh MT, trục luôn nghiêng và không đổi phương so với mặt phẳng quỹ đạo một góc $66^{\circ}33'$, các nửa cầu lần lượt ngả về phía MT rồi lại chệch xa MT nên vị trí vòng phân chia sáng tối thay đổi, số giờ chiếu sáng có sự khác nhau giữa các vĩ tuyến và các ngày trong năm. | 0.25 |
| | | - Tại xích đạo: số giờ chiếu sáng luôn bằng 12h vì: vòng phân chia sáng tối luôn giao với trục TĐ tại tâm nên luôn chia xích đạo thành hai phần bằng nhau. | 0.25 |
| | | - Vào ngày 21/3 và 23/9: MT lên thiên đỉnh tại xích đạo, vòng sáng tối trùng với mặt phẳng chứa trục TĐ nên mọi nơi có số giờ chiếu sáng bằng nhau và bằng 12h. | 0.25 |
| | | - Vào ngày 22/6: MT lên thiên đỉnh tại CTB. BBC ngả nhiều nhất về phía MT, NBC chệch xa MT nhất, vòng phân chia sáng tối đi qua sau cực Bắc và trước cực Nam. Vì vậy, số giờ chiếu sáng BBC lớn hơn NBC. Vào ngày 22/12: ngược lại. | 0.25 |
| Câu II (5.0đ) | 1 | Thế nào là quy luật thống nhất thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí? Lấy ví dụ chứng minh và phân tích ý nghĩa thực tiễn của quy luật này. | <u>2.0 đ</u> |
| | 2.0 đ | - <i>Khái niệm :</i> Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh là quy luật về mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các thành phần của toàn bộ cũng như của mỗi bộ phận lãnh thổ trong lớp vỏ địa lí. | 0.5 |
| | | - <i>Ví dụ:</i> hs chỉ cần nêu được 1 ví dụ | 0.5 |
| | | - <i>Ý nghĩa thực tiễn của quy luật này:</i> + Cho chúng ta thấy sự cần thiết phải nghiên cứu kĩ càng và đánh giá toàn diện các điều kiện địa lí của bất kì lãnh thổ nào trước khi sử dụng chúng. | 0.5 |
| | | + Bất cứ tác động nào của con người vào tự nhiên chính là sự can thiệp vào các mối liên hệ chặt chẽ giữa các thành phần tự nhiên, làm cho tự nhiên thay đổi và con người có thể dự đoán trước sự thay đổi này. | 0.5 |
| | | | |
| 2 | Phân tích mối quan hệ giữa đất và sinh vật. | <u>1.5đ</u> | |
| 3.0 đ | - <i>Sinh vật tác động đến đất:</i> | | |
| | + SV đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất | 0.25 | |
| | + Thực vật cung cấp chất hữu cơ, rễ thực vật bám vào các khe nứt của đá làm phá hủy đá. | 0.25 | |
| | + Vi sinh vật phân giải xác sinh vật tổng hợp thành mùn | 0.25 | |

| | | | | |
|----------------------------|--------------------|---|---|------------|
| | | + Động vật sống trong đất góp phần làm biến đổi tính chất của đất | 0.25 | |
| | | - <i>Đất tác động đến sinh vật:</i> Các đặc tính lí, hóa và độ phì của đất ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của thực vật (Dẫn chứng) | 0.5 | |
| | | Tác động của con người đến sinh vật: | 1.5 | |
| | | - Làm thay đổi phạm vi phân bố của nhiều loại cây trồng, vật nuôi | 0.5 | |
| | | + Mở rộng phạm vi phân bố của SV: đưa các cây trồng, vật nuôi từ châu lục này sang châu lục khác, trồng rừng.... | 0.5 | |
| | | + Thu hẹp phạm vi phân bố của sinh vật: đốt rừng, chặt phá rừng bừa bãi, làm tuyệt chủng nhiều loài động, thực vật..... | 0.5 | |
| Câu III (6.0 đ) | 1 2.5đ | Nêu các nhân tố ảnh hưởng đến tỉ suất sinh thô: | 1.0 | |
| | | - Tự nhiên - sinh học. | 0.25 | |
| | | - Phong tục tập quán. | 0.25 | |
| | | - Trình độ phát triển kinh tế - xã hội. | 0.25 | |
| | | | - Chính sách phát triển dân số của từng nước | 0.25 |
| | | | Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên quá cao ở các nước đang phát triển ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế - xã hội? | 1.5 |
| | | | * <i>Tích cực:</i> Tạo ra nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn | 0.5 |
| | | | * <i>Tiêu cực:</i> Gây sức ép lên: | |
| | | | + Về kinh tế: GDP chậm được cải thiện, không có khả năng tích lũy, tốc độ phát triển chậm. | 0.25 |
| | | | + Về xã hội: Tình trạng thất nghiệp, tệ nạn xã hội, đói nghèo, chất lượng cuộc sống thấp, các nhu cầu phúc lợi xã hội không được đảm bảo. | 0.5 |
| | | + Về môi trường: cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến phát triển bền vững. | 0.25 | |
| | 2. 3.5đ | Vai trò của ngành nông nghiệp: | 2.0đ | |
| | | - Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người. | 0.5 | |
| | | - Đảm bảo nguồn nguyên liệu cho các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm. | 0.5 | |
| | | - Sản xuất ra những mặt hàng có giá trị xuất khẩu, tăng thêm nguồn thu ngoại tệ. | 0.5 | |
| | | - Tạo việc làm cho người lao động và sử dụng hợp lí tài nguyên, góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế. | 0.5 | |
| | | Cây lúa gạo phân bố chủ yếu ở khu vực châu Á gió mùa vì: | 1.5 | |
| | | - Lúa gạo là cây lương thực nhiệt đới, ưa khí hậu nóng, ẩm, cần ruộng ngập nước và cần nhiều công chăm sóc. | 0,5 | |

| | | <ul style="list-style-type: none"> - Khu vực châu Á gió mùa có điều kiện thuận lợi để phát triển cây lúa gạo: đông dân, nguồn lao động dồi dào (DC). - Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa phù hợp với đặc điểm sinh thái cây lúa gạo. - Có truyền thống sản xuất và tập quán lâu đời tiêu dùng lúa gạo | <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> | | | | | | | | | | | | |
|-------------------------------|---|---|------------------------------------|------------------|------------------|------------------|------|-----|------|------|------|-----|------|------|---|
| Câu IV 5.0 đ | 1 3.0 đ | <p>1. Vẽ biểu đồ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính bán kính (quy mô): <p>Ví dụ:</p> <p>Coi $r_{\text{năm 1995}} = 1$ đơn vị bán kính (hoặc học sinh có thể cho số khác)</p> <p>Ta có $r_{\text{năm 2013}} = \sqrt{\frac{\text{Tổng số dân năm 2013}}{\text{Tổng số dân năm 1995}}} = 1,1$ đơn vị bán kính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính cơ cấu: <p style="text-align: center;">CƠ CẤU DÂN SỐ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1995 – 2013</p> <p style="text-align: right;">(Đơn vị: %)</p> <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Tổng số dân</th> <th>Dân số thành thị</th> <th>Dân số nông thôn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1995</td> <td>100</td> <td>20,7</td> <td>79,3</td> </tr> <tr> <td>2013</td> <td>100</td> <td>32,2</td> <td>67,8</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ biểu đồ hình tròn có bán kính khác nhau: đúng đẹp, chính xác. <p>(Thí sinh thiếu nội dung nào sẽ trừ điểm theo sự thống nhất trong tổ chấm)</p> | Năm | Tổng số dân | Dân số thành thị | Dân số nông thôn | 1995 | 100 | 20,7 | 79,3 | 2013 | 100 | 32,2 | 67,8 | <p>3.0 đ</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> |
| | Năm | Tổng số dân | Dân số thành thị | Dân số nông thôn | | | | | | | | | | | |
| | 1995 | 100 | 20,7 | 79,3 | | | | | | | | | | | |
| | 2013 | 100 | 32,2 | 67,8 | | | | | | | | | | | |
| | 2 2.0 đ | <p>Nhận xét và giải thích về cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn nước ta giai đoạn nói trên.</p> | 2.0 | | | | | | | | | | | | |
| | <p>* Nhận xét:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn nước ta từ năm 1995 – 2013 không đồng đều và đang có sự thay đổi. - Dân số nông thôn chiếm tỉ trọng lớn và đang có xu hướng giảm dần (DC – HS không có dẫn chứng trừ 0.25 đ) - Dân số thành thị chiếm tỉ trọng nhỏ nhưng đang có xu hướng tăng (DC- HS không có dẫn chứng trừ 0.25 đ)) | <p>1.25</p> <p>0.25</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> | | | | | | | | | | | | | |
| | <p>* Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân số nông thôn chiếm tỉ trọng lớn do nước ta có điểm xuất phát là một nước nông nghiệp, trình độ phát triển kinh tế còn chưa cao,... - Do nước ta đang tiến hành CNH, thúc đẩy quá trình đô thị hóa, đồng thời đô thị là nơi thu hút dân cư từ nông thôn chuyển cư ra thành thị. - Do sự thay đổi địa giới hành chính nên quy mô các đô thị được mở rộng. | <p>0.75</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> | | | | | | | | | | | | | |

.....Hết.....